

## PART 2: CÂU HỎI WHERE?



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Câu hỏi với **WHERE** hỏi về địa điểm, nơi chốn:

- Chủ ngữ ở đâu...?
- Chủ ngữ đã/ đang/ sẽ làm gì ở đâu?

## 2. CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG

## 2.1. Trả lời trực tiếp

**Trả lời với giới từ  
(in, on, at, behind,...)  
+ địa điểm**

**Q: Where is the parking garage?**

Chỗ đỗ xe ở đâu thế?

**(A) The local park is nice.**

Chỗ đỗ xe khu vực này tốt đấy.

**(B) Behind the office building.**

Đằng sau tòa nhà văn phòng.

**(C) During his commute to work.**

Suốt đoạn đường anh ta đi làm.

## Trả lời với từ/ cụm từ chỉ địa điểm

**Q: Where can I go to have my car engine checked?**

Tôi có thể đem động cơ xe hơi của tôi đi  
kiểm tra ở đâu?

**(A) No, I don't need one. Thanks, though.**

Không, tôi không cần, nhưng cảm ơn nhé.

**(B) The mechanic around the corner.**

Chỗ thợ máy ở góc phố.

**(C) In April of every year.**

Vào tháng Tư hàng năm.

Trả lời với mệnh đề  
chỉ vị trí, địa điểm

**Q: Where is the store manager?**

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

**(A) Some items from the back room.**

Một vài món đồ từ phòng bên trong .

**(B) No, I'm not a manager.**

Không, tôi không phải quản lý.

**(C) She went out for lunch.**

Cô ấy ra ngoài ăn trưa rồi.

## Trả lời với các cụm từ hướng dẫn, chỉ đường

**Q: Where is the entrance to the parking garage?**

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

**(A) It's a \$10 per hour.**

Giá 10 đô một giờ.

**(B) Take a right turn ahead.**

Rẽ phải ở lối phía trước.

**(C) The entrance exam was difficult.**

Kì thi đầu vào khó đấy.

## 2.2. Trả lời gián tiếp

Trả lời  
tôi không biết

**Q: Where can I find the client's phone number?**

Tôi có thể tìm số điện thoại của khách hàng ở  
đâu?

**(A) Before 5:00 P.M.**

Trước 5 giờ chiều.

**(B) I have no idea but the secretary should know.**

Tôi không biết nhưng thư ký chắc sẽ biết đấy.

**(C) No, she never called back.**

Không, cô ấy không bao giờ gọi lại.

Trả lời liên quan  
đến bên thứ ba  
hoặc hành động  
khác liên quan

**Q: Where can I get a new filing cabinet?**

Tôi có thể lấy tủ tài liệu mới ở đâu?

**(A) All of the cabins have been rented.**

Tất cả nhà gỗ đều được thuê rồi.

**(B) I'll put the tiles in the corner.**

Tôi sẽ để gạch lát ở trong góc.

**(C) All furniture requests must be approved first.**

Tất cả yêu cầu về nội thất cần phải được  
phê duyệt trước.

### 3. CÁC ĐÁP ÁN SAI

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No

**Q: Where is the store manager?**

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

**A: No, I'm not a manager.**

Không, tôi không phải là quản lý.

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No

**Q: Where is the store manager?**

Người quản lý cửa hàng đang ở đâu?

**A: No, I'm not a manager.**

Không, tôi không phải là quản lý.

=> Đối với câu hỏi WHERE nói riêng và 5W1H nói chung, bất cứ câu trả lời nào bắt đầu với Yes/ No đều có thể LOẠI ngay.

- **Câu trả lời lặp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.**

**Q: Where is the entrance to the parking garage?**

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

**A: The entrance exam was difficult.**

Kì thi đầu vào khó đấy.

- **Câu trả lời lắp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.**

**Q: Where is the entrance to the parking garage?**

Lối vào bãi đỗ xe ở đâu?

**A: The entrance exam was difficult.**

Kì thi đầu vào khó đấy.

=> Từ entrance được lắp lại nhưng với nghĩa khác, ở câu hỏi entrance là lối vào vào còn trong câu trả lời là kì thi đầu vào => LOẠI

- Câu trả lời với giới từ + thời gian

Q: **Where** is the closest coffee shop?

Quán cà phê gần nhất ở đâu nhỉ?

A: **From** nine until five.

Từ 9 giờ đến 5 giờ.

- Câu trả lời với giới từ + thời gian

Q: **Where is the closest coffee shop?**

Quán cà phê gần nhất ở đâu nhỉ?

A: **From nine until five.**

Từ 9 giờ đến 5 giờ.

=> Câu trả lời bắt đầu bằng giới từ dễ khiến người nghe nhầm lẫn với câu trả lời đúng dạng giới từ + địa điểm nên cần chú ý nghe hết câu để tránh bị đánh lừa.

# LUYỆN TẬP



**Q: Where's the main entrance to the museum?**

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

**Q: Where's the main entrance to the museum?**

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

**(A) It's not supposed to rain today.**

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

**Q: Where's the main entrance to the museum?**

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

**(A) It's not supposed to rain today.**

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

**(B) An exhibit on ancient Egypt.**

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại. => Loại

**Q: Where's the main entrance to the museum?**

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

**(A) It's not supposed to rain today.**

Đáng ra trời không mưa hôm nay. => Loại

**(B) An exhibit on ancient Egypt.**

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại. => Loại

**(C) I see a long line of people over there.**

Tôi thấy một hàng dài người ở kia kia. => Chọn (có từ chỉ địa điểm **over there**.)

Câu này được hiểu là: Tôi đoán cổng chính ở phía đằng kia vì tôi thấy một hàng dài người xếp hàng ở đó.)

**Q: Where's the main entrance to the museum?**

Cổng chính vào bảo tàng ở đâu nhỉ?

**(A) It's not supposed to rain today.**

Đáng ra trời không mưa hôm nay.

**(B) An exhibit on ancient Egypt.**

Một buổi triển lãm về Ai Cập cổ đại.

**(C) I see a long line of people over there.**

Tôi thấy một hàng dài người ở kia kia.

**Lưu ý:** Đây là câu hỏi khó đòi hỏi người nghe phải thực sự **nghe hiểu** từng câu chứ không thể chỉ dựa vào các dấu hiệu nhận biết câu đúng, câu sai.

Dạng câu hỏi Part 2 với đáp án kiểu trả lời gián tiếp, cần suy luận này đã xuất hiện nhiều hơn ở những đề thi gần đây.

=> **luyện nghe thường xuyên** là rất quan trọng.